

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+RP1+PVD1	7:25	3+1+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
2		BK10+P3+MRM	7:25	9+0+11	0+0+0		5+0+17	0+0+0	chuyen 5 bk10- p3
3		CTK3+GTCL+P9	7:25	7+0+15	0+0+0		4+0+16	0+0+0	chuyen 3 ctk3- gtcl
4		TD1+TD5+RP2	9:25	10+9+0	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
5		PVD1+PPD+BK10	9:25	13+1+4	0+0+0		13+1+8	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2022	TO: BK16 - RP1 - PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - DSon -	ETA: 09:20
trang1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH SỸ	BK16	20	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM HOÀNG	BK16	15-16	2	15	20	57	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG	BK16				18	62	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	RP1				52	80	XAYLAP	Vietnamese
5	THOMAS HOGG	PVD1	24-25	2	12	35	73	PVD DD	British
6	VŨ HUNG MẠNH	PVD1	19	1	6		65	PVD DD	Vietnamese
7	ERWAN TURLIN	PVD1	28-29	2	15		85	PVD DD	French
8	NGUYỄN VĂN ĐẠI	PVD1	21	1	9		65	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	32	1	3		71	PVDDD	Vietnamese
10	ĐOÀI DUY DUƠNG	PVD1	33	1	3		68	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	PVD1	26	1	6		53	PVDO	Vietnamese
12	LÊ BA LONG	PVD1	35-36	2	11		60	PVDO	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN TUẤN	PVD1	34	1	5		66	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN THANH TUYẾN	PVD1	18	1	6		59	PVDO	Vietnamese
15	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	20	1	3		48	PVDO	Vietnamese
16	TRƯƠNG HUY BÌNH	PVD1	22	1	3		65	PVDO	Vietnamese
17	LÊ VĂN GIÁP	PVD1	37-38	2	10		75	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD1	30	1	5		68	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH BAO	PVD1	27	1	6		74	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TỈNH	PVD1	31	1	3		79	PSV	Vietnamese
21	MA CHI DAT	PVD1	39	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PVD1	23	1	11		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	3	3	25	192	38	0		
2	RP1	1	0	0	80	52	2		
3	PVD1	18	22	122	1.216	35	20		
TOTAL		22	25	147	1.488	125	22		
WEIGHT KG				147	1.488	125			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2022	TO: BK10 - P3 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Mạnh - HIẾU -	ETA: 09:20
XANH-1		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU HIẾU	BK10	29-30	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
2	HỒ VĂN DUYỆT	BK10	20-21	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
3	TRƯỜNG VIỆT HẠNH	BK10	31-32	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI KHÁC SƠN	BK10	27-28	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	VU QUANG TRƯỜNG	BK10	26	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠNH	BK10	22-23	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	BK10	24	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
8	CAO VĂN GIÁP	BK10	33-34	2	8		75	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ BICH ANH	BK10	18-19	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
10	SALIKHOV A.I.	MRM	08	1	7		90	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	27	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
12	KARPOV KIRILL	MRM	25-26	2	20	44	85	AMNGR	Russian
13	HA NGỌC LAM	MRM	10-11	2	18		76	PVD-BH	Vietnamese
14	THAI DOÁN MẠO	MRM	15-16	2	17		70	PVD-BH	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TRUNG	MRM	13-14	2	17		60	PVD-BH	Vietnamese
16	LÊ HOÀI THIÊN	MRM	17	1	15		78	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬT	MRM	20-21	2	20		70	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN GIANG	MRM	18-19	2	13		72	DVL	Vietnamese
19	BUI VĂN THÍCH	MRM	12	1	7		81	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BÌNH	MRM	09	1	2		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	9	16	136	616	15	5	+5	CHUYEN 5 PAX BK10 SANG P3
2	P3	0	0	0	0	0	0		
3	MRM	11	17	147	828	44	17		
TOTAL		20	33	283	1.444	59	22		
WEIGHT KG				283	1.444	59			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - GTC1 - P9	CREW: TUYỀN - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH KHANG	CTK3	10	1	5	12	66	PSV	Vietnamese
2	VU VAN PHUC	CTK3	11	1	4		55	PSV	Vietnamese
3	LUYỄN VĂN THIỆU	CTK3	08	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH HONG THANG	CTK3					68	SANBAY	Vietnamese
5	VU NGOC BAO	CTK3	09	1	5		58	PSV	Vietnamese
6	THAI QUANG HUY	CTK3	12	1	6		72	SAN BAY	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐẠM	P9	63	1	7	10	70	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG AN	P9	55	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH CUÔNG	P9	54	1	13	18	71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN TRỌNG THẮNG	P9	60	1	13	27	67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KIM HA	P9	44-45	2	25		62	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUANG SANG	P9	50-51	2	19		54	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN DANH HẠNH	P9	43	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU MẠNH TIỀN	P9	53	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	38	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯU ĐỨC THỊNH	P9	41-42	2	25		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HUNG	P9	52	1	16		74	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ BA TUẤN	P9	46-47	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI XUAN QUANG	P9	48-49	2	26		72	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH VĂN DƯƠNG	P9	57-58	2	26		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P9	39-40	2	23		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	5	28	399	12	4	3	CHUYEN 3 PAX TU CTK3-GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	0	0		
3	P9	15	22	251	1.028	55	16		
TOTAL		21	27	279	1.427	67	20		
WEIGHT KG				279	1.427	67			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TD1 - TD5 - RP2	CREW: TTrung - Mạnh - HIẾU -	ETA: 11:40
XANH-2		N.Cuong	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HÙNG	TD1	61-62	2	15		63	DATAWIS	Vietnamese
2	PHẠM HUY THƯƠNG	TD1	60	1	10		87	DATAWIS	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LONG	TD1	63	1	6		59	DATAWIS	Vietnamese
4	DAO VAN DUNG	TD1	59	1	11		81	DATAWIS	Vietnamese
5	BELAIEV S.	TD1	58	1	16		81	KH-THAC	Russian
6	HỒ NGỌC BÈN	TD1	64	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TAM	TD1	65	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LẠI ANH TUẤN	TD1	69-70	2	16		98	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TRI	TD1	67-68	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC MINH	TD1	66	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KỶ	TD5	97	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN GIANG	TD5	74	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD5	73,96	2	18	60	85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD5	59	1	13		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	TD5	23-24	2	7		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	TD5	20	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN ANH	TD5	21	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD5	60	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD5	20	1	12		105	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	13	119	740	0	0		
2	TD5	9	11	118	729	60	1		
3	RP2	0	0	0	0	0	18		
TOTAL		19	24	237	1.469	60	19		
WEIGHT KG				237	1.469	60			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2022	TO: PVD1 - PPD - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN CONG PHONG	PVD1	50	1	4		72	PSV	Vietnamese
2	TRAN DANH CUONG	PVD1	56	1	12		63	PVD INVES	Vietnamese
3	TRAN VAN DINH	PVD1	58	1	12		65	PVD INVES	Vietnamese
4	LE VAN QUANG	PVD1	45-46	2	10		72	MERMAID	Vietnamese
5	DUONG MANH HIEN	PVD1	47	1	7		63	MERMAID	Vietnamese
6	LE DUY THANG	PVD1	43-44	2	17		75	MERMAID	Vietnamese
7	NGUYEN TAN THANH	PVD1	60-61	2	15		72	PVD INVES	Vietnamese
8	TRINH VAN KIEN	PVD1	51-52	2	13		60	PVD INVES	Vietnamese
9	NGUYEN DUY PHUC	PVD1	48-49	2	17		65	PVD LOGGI	Vietnamese
10	ONG VAN NAM	PVD1	53	1	14		60	PVD-BH	Vietnamese
11	VO THANH DOAN	PVD1	34-35	2	10		72	PVD-BH	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG LONG	PVD1	58-59	2	17		68	DMC-MI	Vietnamese
13	CHEUNG SHU KAN	PPD	27-28	2	17		74	KHI	Canadian
14	TRAN NGUYEN DAN	PPD	25-26	2	10		51	NAMTIEN	Vietnamese
15	HOANG CONG DUC	PPD	29-30	2	10		58	NAMTIEN	Vietnamese
16	VU VAN THUONG	PPD	31	1	7	80	65	NAMTIEN	Vietnamese
17	TANG THAI THAO	PPD	32	1	10		62	NAMTIEN	Vietnamese
18	HOANG BA THANG	BK10	44	1	17		59	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN BA DONG	BK10	45-46	2	13		61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN SY	BK10	47-48	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI THANH LONG	BK10	43	1	7		82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	12	19	148	807	0	13		
2	PPD	5	8	54	310	80	1		
3	BK10	4	6	52	267	0	8		
TOTAL		21	33	254	1.384	80	22		
WEIGHT KG				254	1.384	80			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+RP3+P1+CTK3	7:25	0+6+6+8	0+0+0+0		1+0+0+15	0+0+0+0	CHUYEN 1 BK20-CTK3

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK20 - RP3 - P1 - CTK3	CREW: VThắng - N.ANH - QTrưởng	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO VĂN HOAN	BK20	18	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ KHẮC PHƯƠNG	BK20	19-20	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẠO ĐÌNH CUÔNG	BK20	17	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THOONG	BK20	21-22	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC ĐĂNG	BK20	86	1	15	17	70	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRUNG	BK20	23,85	2	23		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P1	79	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC THỊNH	P1	80-81	2	11		55	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SANG	P1	84-85	2	21		74	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ MẠNH HÙNG	P1	86-87	2	14	33	60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P1	88-89	2	21		90	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG TUẤN	P1	82-83	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
13	LƯƠNG MINH KIẾN	CTK3	23	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN CUÔNG	CTK3	15-16	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KHUYNH	CTK3	21-22	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	CTK3	27-28	2	21		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ SƠN	CTK3	19-20	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI CÔNG HÙNG	CTK3	24-25	2	24		69	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRƯỞNG	CTK3	26	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG ANH THÂN	CTK3	18	1	6	20	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

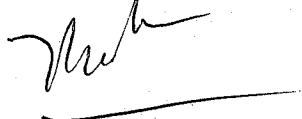
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	6	9	101	405	17	0	0	CHUYEN 1 PAX BK20-CTK3
2	RP3	0	0	0	0	0	2		
3	P1	6	11	90	426	33	0		THAO 2 CHO DE CHO HANG
4	CTK3	8	13	127	566	20	15		
TOTAL		20	33	318	1.397	70	17		
WEIGHT KG				318	1.397	70			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

